

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ LANG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày 13/4/2022

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ LANG, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Sầm Đức Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Khiêm

2. Ông Lục Văn Tiến

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng: Ông Thẩm Minh Đức - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2021/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2021 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nông Thị B; sinh năm 1989

Nơi đăng ký HKTT: Xóm NS, xã ĐQ, huyện HL, tỉnh Cao Bằng. Chỗ ở hiện nay: Xóm BT, xã SL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Hoàng Ngọc Ch; sinh năm 1988.

Nơi đăng ký HKTT: NS, xã ĐQ, huyện HL, tỉnh Cao Bằng. Nơi làm việc hiện tại: Công ty TNHH AAC Technologies Việt Nam; địa chỉ: Khu công nghiệp Q1, phường VD, thành phố BN, tỉnh Bắc Ninh. (Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Nông Thị B trình bày: Chị tổ chức cưới theo tập quán với anh Hoàng Ngọc Ch vào năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐQ, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng vào ngày 21/3/2011, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết

hôn, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc cho đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, anh Ch chơi cờ bạc, có lần đánh và cầm dao đe dọa chị. Sau đó chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ, hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị B xác định vợ chồng không còn tình cảm, yêu cầu được ly hôn. Về con chung, có 01 con chung tên Hoàng Thị Hồng Nh, sinh ngày 07/11/2010, hiện con đang ở với ông bà nội, khi ly hôn anh Ch là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và chị sẽ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 800.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, không có; không có nợ chung, nợ riêng và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Ngọc Ch vắng mặt tại phiên tòa, tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt trình bày: Anh và chị B kết hôn năm 2010, trước khi kết hôn có được tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐQ. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại nhà chồng ở xóm NS, xã ĐQ, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 7/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng có tính cách trái ngược nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Sự việc đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2018 đến nay. Nay xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị B yêu cầu ly hôn anh đồng ý. Hai vợ chồng có 01 con chung như chị B trình bày, sau khi ly hôn anh Ch đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và yêu cầu chị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 800.000đ/tháng, từ tháng 4/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, các khoản nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do hiện nay anh đang làm việc tại thành phố Bắc Ninh, không thể có mặt tham gia phiên tòa nên đề nghị được xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký và Hội thẩm nhân dân đều tuân thủ đầy đủ và đúng với các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Do chị B và anh Ch có đăng ký kết hôn nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nông Thị B, anh Ch là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 800.000đ/tháng. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 25; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí tại Tòa án. Chị B phải chi 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con chung để sung công quỹ Nhà nước.

- Chị Nông Thị B vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện và nhất trí với các quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền*: Bị đơn Hoàng Ngọc Ch có hộ khẩu thường trú tại: Xóm NS, xã ĐQ, huyện HL, tỉnh Cao Bằng; hiện nay đang tạm trú tại: Khu Chu Mầu, phường Vân Dương, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

[2]. *Về thủ tục tố tụng*: Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tuy nhiên do tình hình dịch bệnh covid-19 nên không thể đến hòa giải được. Căn cứ khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây thuộc trường hợp vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được do “đương sự không thể tham gia hòa giải được vì có lý do chính đáng”. Ngày 17/02/2022, Tòa án đã tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ để lấy lời khai của anh Ch tại nơi ở và làm việc hiện nay là Khu Chu Mầu, phường Vân Dương, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Ngày 16/3/2022, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh tiến hành lấy lời khai, kèm theo bản tự khai và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt của anh Ch. Do đó vụ án được xét xử theo thủ tục chung quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Nông Thị B yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Ngọc Ch. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nông Thị B với anh Hoàng Ngọc Ch có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐQ, huyện HL, tỉnh Cao Bằng kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó hôn nhân hợp pháp từ ngày có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, chị B về làm dâu, sống cùng gia đình anh Ch tại xóm NS, xã ĐQ, huyện HL, tỉnh Cao Bằng. Thời gian đầu, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ tháng 7/2017, do bất đồng quan điểm sống và tính cách, sự việc đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành, sau đó chị B bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xóm BT, xã SL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng, kể từ đó đến nay vợ chồng đã ly thân. Xét thấy, giữa chị B với anh Ch không còn quan tâm, yêu thương lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình và đã sống ly thân từ tháng 7/2021 cho đến nay, chứng tỏ mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đây là những căn cứ để giải quyết ly hôn theo yêu cầu. Trong quá trình giải quyết vụ án, hai bên xác định vợ chồng không còn tình cảm và anh Ch nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị B. Xét thấy, yêu cầu của hai người đều tự nguyện ly hôn, không trái đạo đức, pháp luật nên cần được ghi nhận.

[5]. *Về con chung*: Cháu Hoàng Thị Hồng Nh, sinh ngày 07/11/2010 là con chung của chị B và anh Ch, hiện nay đang sống cùng ông bà nội. Xét thấy: Việc

chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là nghĩa vụ của bố mẹ, hiện nay cháu đã ở quen với gia đình anh Ch nên sẽ tạo điều kiện tốt cho việc ăn ở, đi lại và học tập cho cháu Nh. Mặt khác cháu Nh cũng có nguyện vọng sẽ ở với bố; chị B cũng nhất trí để anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con và chị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 800.000đ/tháng bắt đầu từ tháng 4/2022 cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi hoặc có bản án, quyết định khác thay thế, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

[6]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. *Về án phí*: Chị Nông Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố, xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị B. Chị Nông Thị B được ly hôn với anh Hoàng Ngọc Ch.

2. *Về con chung*: Cháu Hoàng Thị Hồng Nh, sinh ngày 07/11/2010 là con chung của chị Nông Thị B và anh Hoàng Ngọc Ch. Chấp nhận sự thỏa thuận về việc giao con chung cho anh Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 800.000đ (tám trăm nghìn đồng)/tháng bắt đầu tính từ tháng 4/2022 cho đến khi cháu Nh tròn 18 tuổi hoặc có Bản án (Quyết định) khác thay thế, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Nông Thị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Lang. Nay chị B còn phải nộp thêm số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Nông Thị B có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Hoàng Ngọc Ch có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Hạ Lang;
- CCTHADS huyện Hạ Lang;
- UBND xã ĐQ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Sầm Đức Hiệp